

5. Ông Trần Anh T4, sinh năm 1950; trú tại: tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

6. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1952; trú tại: tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

7. Ông Trần Nhơn B, sinh năm 1960; trú tại: tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

8. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1940; trú tại: tổ dân phố số 7, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

9. Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1964, sinh năm 1964; trú tại: tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Huỳnh Thị N (vợ Nguyễn Văn T), sinh năm 1970; trú tại: tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*;

2. Ông Hoàng Minh N2, (Người kháng cáo) sinh năm 1982; trú tại: tổ dân phố số 7, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12-2009 đến tháng 11-2011, Nguyễn Văn T đã có hành vi vay, mượn và nhận nợ tiền hụi của những người bị hại (các ông Trần Anh T4 Hoàng Hữu R, Trần Nhơn B, Trần Anh T4, Nguyễn Đăng K; các chị Trần Thị T3, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị C1 và bà Hoàng Thị N1) đều trú tại huyện L1, tỉnh Quảng Bình với số tiền 1.225.000.000 đồng, đã trả được 25.000.000 đồng, số còn lại 1.200.000.000 đồng, Nguyễn Văn T không trả mà bỏ trốn khỏi địa phương vào ngày 29-11 -2011; Cụ thể như sau:

1. Từ tháng 6-2010 đến tháng 4-2011, Nguyễn Văn T vay của ông Trần Anh T4 với số tiền 110.000.000 đồng, đã trả được 25.000.000 đồng, còn 85.000.000 đồng.

2. Ngày 16-10-2011, Nguyễn Văn T vay của ông Hoàng Hữu R số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau đó, Nguyễn Văn T vay thêm 5.000.000 đồng. Trước khi bỏ trốn, Nguyễn Văn T còn nhận nợ tiền hụi từ anh Nguyễn Đăng L chuyển qua ông R là 41.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn T còn nợ của ông Rạng là 156.000.000 đồng.

3. Ngày 13-12-2009, Nguyễn Văn T vay của chị Hoàng Thị P 170.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 16-5-2010, Nguyễn Văn T vay tiếp của chị P 200.000.000 đồng; tổng số tiền Nguyễn Văn T vay của chị P là 370.000.000 đồng

4. Ngày 21-6-2010, Nguyễn Văn T vay của ông Trần Nhơn B 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; ngày 21-7-2011, Nguyễn Văn T vay tiếp của ông B 60.000.000 đồng; tổng số tiền Nguyễn Văn T vay của ông B là 100.000.000 đồng.

5. Ngày 12-9-2011, Nguyễn Văn T vay của bà Hoàng Thị N1 30.000.000 đồng; ngày 15-11-2011, Nguyễn Văn T vay tiếp của bà N1 30.000.000 đồng; đến ngày 02-9-2011, Nguyễn Văn T vay tiếp 20.000.000 đồng. Trước khi bỏ trốn, Nguyễn Văn T còn nhận nợ tiền hui từ anh Nguyễn Đăng L chuyển sang cho bà N1 là 60.000.000 đồng. Tổng cộng, Nguyễn Văn T còn nợ bà N1 140.000.000 đồng.

6. Ngày 31-5-2011, Nguyễn Văn T vay của anh Trần Minh T1 25.000.000 đồng; ngày 04-6-2011, vay 15.000.000 đồng; ngày 15-10-2011, vay tiếp 100.000.000 đồng. Tổng cộng, Nguyễn Văn T vay của anh Trần Minh T1 là 140.000.000 đồng.

7. Ngày 10-8-2011, Nguyễn Văn T vay của ông Nguyễn Đăng K 63.000.000 đồng.

8. Nguyễn Văn T vay của chị Nguyễn Thị C1 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng, trị giá thời điểm vay là 22.500.000 đồng.

9. Tháng 8-2011, Nguyễn Văn T tham gia bốc hui tại nhà chị Trần Thị T3, sau đó không góp đủ hui nên còn nợ chị Túy số tiền 47.500.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn nợ tiền hui từ anh Nguyễn Đăng L chuyển qua cho chị Túy là 76.000.000 đồng. Tổng cộng, Nguyễn Văn T còn nợ chị Túy số tiền 123.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn T đã nhận của 09 người bị hại bằng hành vi vay, mượn và nhận nợ tiền là 1.225.000.000 đồng, đã trả được 25.000.000 đồng, còn lại 1.200.000.000 đồng Nguyễn Văn T bỏ trốn để chiếm đoạt của những người này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2013/HSST ngày 17-6-2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 604, 608, 298 và Điều 305 Bộ luật Dân sự: Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho 09 người bị hại với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng, cụ thể: ông Trần Anh T4 85.000.000 đồng; ông Hoàng Hữu R 156.000.000 đồng; chị Hoàng Thị P 370.000.000 đồng; ông Trần Nhơn B 100.000.000 đồng; Bà Hoàng Thị N1 140.000.000 đồng; anh Trần Minh T1 140.000.000 đồng; ông Nguyễn Đăng K 63.000.000 đồng; chị Trần Thị T3 123.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị C1 22.500.000 đồng (trị giá một lắc đeo tay 05 chỉ vàng).

Áp dụng Điều 298 Bộ luật Dân sự, buộc bà Huỳnh Thị N (vợ Nguyễn Văn T) có trách nhiệm liên đới cùng Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng cho 09 người bị hại.

Áp dụng Điều 146; điểm c khoản 1 Điều 80 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 65/VKS-P1 ngày 10-4-2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình theo Biên bản kê biên tài sản của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16-4-2013. Tài sản là nhà ở 03 tầng đặt tại lô đất số 22(b) diện tích 75,32m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 do ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 18-8-2006 mang tên Nguyễn Văn T để phát mại đấu giá đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị N đối với khoản tiền bồi thường cho các bị hại (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện có tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L1, tỉnh Quảng Bình).

Giao tài sản đất ở và nhà ở 03 tầng đặt tại lô đất số 22 (b), diện tích 75,32m² đóng tại tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình cho bà Huỳnh Thị N (vợ của Nguyễn Văn T) và ủy ban nhân dân thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình quản lý cho đến khi các cơ quan có thẩm quyền xử lý khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành theo đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự.

Ngày 19-6-2013, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh N2 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm khác vì thành phần Hội đồng xét xử không đúng luật định và vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Hoặc sửa một phần Quyết định của bản án sơ thẩm và tuyên hủy Lệnh kê biên tài sản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20-6-2013, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét thấy:

[1] Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 312/2013/HSPT ngày 23-9-2013, của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh N2, hủy và đình chỉ phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: “Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình số 65/VKS-P1 ngày 10-4-2013, theo biên bản kê biên tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16-4-2013. Tài sản là nhà 03 tầng đặt tại lô đất số 22(b) diện tích 75,32m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 do ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 18-8-2006 mang tên Nguyễn Văn T”.

[2] Tại Quyết định số 18/KN-HS ngày 30-8-2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 312/2013/HSPT ngày 23-9-2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng về phần quyết định “Hủy và đình chỉ phần quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên: “Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình số 65/VKS-P1 ngày 10-4-2013, theo biên bản kê biên tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16-4-2013. Tài sản là nhà 03 tầng đặt tại lô đất số 22(b) diện tích 75,32m² theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 do ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 18-8-2006 mang tên Nguyễn Văn T giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/HS -GĐT ngày 20-3-2018, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã quyết định.

- Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 312/2013/HSPT ngày 23-9-2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng về phần quyết định: “Hủy và đình chỉ phần quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên: “Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình số 65/VKS-P1 ngày 10/4/2013, theo biên bản kê biên tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16/4/2013. Tài sản là nhà 3 tầng đặt tại lô đất số 22(b) diện tích 75,32m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 do UBND huyện L1 cấp ngày 18/8/2006 mang tên Nguyễn Văn T.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Hoàng Minh N2, xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử hủy toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến việc kháng cáo của ông Nhân.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, như lời khai nhận của Nguyễn Văn T, ý kiến người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[5] Ngôi nhà 03 tầng và lô đất số 22(b) có diện tích 75,32 m² đất ở tại khu tái định cư TG, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình (đã được ủy ban nhân dân huyện L1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 ngày 18-6-2006 mang tên Nguyễn Văn T) là tài sản của Nguyễn Văn T và vợ là Huỳnh Thị N. Cuối năm 2010, Nguyễn Văn T thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng cổ phần Thương mại V để vay 1.000.000.000 đồng. Đến cuối năm 2011, do đến thời gian đáo hạn tiền vay ở Ngân hàng nên ngày 28-11-2011, vợ chồng Nguyễn Văn T ký không vào giấy trắng để chuyển nhượng nhà đất này cho ông Hoàng Minh N2 với giá 1.250.000.000 đồng; ngay đêm đó, Nguyễn Văn T cùng vợ con bỏ trốn.

[6] Xét thấy: Sau khi có bản án phúc thẩm số 312/2013/HSPT ngày 23-9-2013, của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2016 ông Hoàng Minh N2 được Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 39; Địa chỉ tại: Tổ dân

phố 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. Sau khi được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, ông Nhân đã thực hiện các quyền của người sở hữu tài sản như sau: Ngày 24 tháng 11 năm 2016 ông Hoàng Minh N2 thế chấp tài sản đã được nhà nước cấp quyền sở hữu để vay vốn tại Ngân hàng N3 chi nhánh huyện L1, tỉnh Quảng Bình - Phòng giao dịch CT. Ngày 29 tháng 1 năm 2018 giữa ông Hoàng Minh N2 cùng vợ là Lương Nguyễn Nữ Hà đã ký hợp đồng để cho Công ty TNHH TM-DV và XD Minh Hải thuê nhà đất nêu trên với thời hạn 10 năm kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2018.

[7] Như vậy đến thời điểm xét xử phúc thẩm này đối tượng là tài sản nêu trên đã được chuyển dịch cho ông Nhân theo quyết định hành chính của cơ quan nhà nước (*ông Nhân đã được cấp GCN quyền sử dụng đất*) đồng thời tài sản nêu trên đã được ông Nhân thế chấp tại Ngân hàng N3 chi nhánh huyện L1 tỉnh Quảng Bình - Phòng giao dịch CT và cho công ty XD Minh Hải thuê.

Xét thấy đây là những tình tiết sự kiện mới phát sinh, cần đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến giao dịch sau này vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và quyền kháng cáo của họ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[8] Từ những phân tích viện dẫn và nhận định nêu trên xét thấy cấp phúc thẩm cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm do có kháng cáo của ông Hoàng Minh N2 để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung (*Trong vụ án cụ thể này Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi do án bị hủy một phần*) .

[9] Án phí: Ông Hoàng Minh N2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Minh N2. Hủy một phần quyết định của bản án sơ thẩm số 14/2013/HSST ngày 17-6-2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với nội dung đã quyết định.

“Áp dụng Điều 146; điểm c khoản 1 Điều 80 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 65/VKS-P1 ngày 10-4-2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình theo Biên bản kê biên tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 16-4-2013. Tài sản là nhà ở 03 tầng đặt tại lô đất số 22(b) diện tích 75,32m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG559292 do ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 18-8-2006 mang tên Nguyễn Văn T để phát mại đấu giá đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị N đối với khoản tiền bồi thường cho các bị hại (Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất hiện có tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L1, tỉnh Quảng Bình).

Giao tài sản đất ở và nhà ở 03 tầng đặt tại lô đất số 22 (b), diện tích 75,32m² đóng tại tổ dân phố số 6, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình cho bà Huỳnh Thị N (vợ của Nguyễn Văn T) và ủy ban nhân dân thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình quản lý cho đến khi các cơ quan có thẩm quyền xử lý khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành theo đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự”.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Bình để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

2/ Án phí: Ông Hoàng Minh N2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Các đương sự;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành